

23. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC-CHÍNH TRỊ HỌC-XÃ HỘI HỌC

a) Các chuyên ngành (Specializations):

23.1. Triết học (Philosophy), gồm: Lịch sử triết học; Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Logic học; Đạo đức học; Mỹ học; Triết học trong khoa học tự nhiên; Triết học xã hội; Triết học văn hóa; Triết học phương Tây; Triết học phương Đông; Triết học sinh thái; Tôn giáo học.

23.2. Xã hội học (Sociology), gồm: Lịch sử và lý thuyết xã hội học; Xã hội học Nông thôn; Xã hội học Đô thị; Xã hội học Văn hóa; Xã hội học Giáo dục; Xã hội học Môi trường; Xã hội học Kinh tế; Xã hội học Dân số; Xã hội học Gia đình và Giới; Xã hội học Khoa học và Công nghệ; Xã hội học Chính trị; Xã hội học Quản lý; Xã hội học Truyền thông Đại chúng; Xã hội học chung.

23.3. Chính trị học (Political science), gồm: Lịch sử chính trị và tư tưởng chính trị; Chính trị học chung; Chính trị học quốc tế; Chính trị học so sánh; Quan hệ quốc tế; Nhà nước pháp quyền; Chính sách công và quản trị công; Hành chính công; Chính trị phát triển; Chính đảng và xây dựng đảng; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	- Thuộc Web of Science (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI); Danh mục Scopus - Có hệ số ảnh hưởng hoặc (và) chỉ số trích dẫn vượt trội	0 – 2,0 0 – 3,0
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác (không thuộc WoS, SCOPUS)		Tạp chí	Do HĐGS liên ngành quyết định cụ thể từng trường hợp	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 No online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế viết bằng tiếng Anh.		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện, có chỉ số ISBN	0 – 1,0
4.	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu, có phản biện, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 – 0,5
5.	Châu Mỹ ngày nay	2354-0745 (0868-3654)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Mỹ, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,75 Tính đến số xuất bản cuối cùng
6.	Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ	1859-3801	Tạp chí	Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,5 Tính đến số xuất bản cuối cùng
7.	Chủ nghĩa xã hội – Lý luận và thực tiễn	2615-9473	Tạp chí	Viện Chủ nghĩa XHKH, Học viện Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,25 từ 2020 0 – 0,5 từ 2022 0 – 0,75 từ 2024
8.	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0 – 1,0

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

9.	Công tác Tôn giáo	1859-1760	Tạp chí	Ban Tôn giáo Chính phủ	0 – 0,25 Tính đến tháng 12/2024
10.	Dân chủ & Pháp luật	9866-7535	Tạp chí	Bộ Tư pháp	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2025 Chính trị học, 0 – 0,25 TrH, XHH
11.	Dân tộc học	0866-7632	Tạp chí	Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 Tính đến số xuất bản cuối cùng
12.	Đối ngoại	1859-2899	Tạp chí	Ban Đối ngoại Trung ương	0 – 0,5 Tính đến số xuất bản cuối cùng
13.	Giáo dục (tiếng Việt và tiếng Anh)	2354-0753-V 2588-1477-E e-2815-5572 (1859-2937)	Tạp chí	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2021
14.	Giáo dục lý luận	0868-3492	Tạp chí	Học viện Chính trị Khu vực I, HV Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2024
15.	Giáo dục Lý luận Chính trị quân sự	1859-056x	Tạp chí	Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2023
16.	Khoa học: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý	2615-9295 e-2588-1116 (0866-8612)	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2022
17.	Khoa học: Nghiên cứu Giáo dục	2615-9325 e-2588-1159 (0866-8612)	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2022
18.	Khoa học	p-2734-9349 e-2734-9616	Tạp chí	Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2024
19.	Ho Chi Minh City Open University Journal of Science-Social Sciences	2734-9357-E e-2734-9624	Tạp chí ACI	Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2022 (LV Xã hội học) 0 – 0,5 từ 2023 0 – 0,75 từ 2024
20.	Khoa học	1859-3208	Tạp chí	Trường Đại học Sài Gòn	0 – 0,50
21.	Khoa học	2525-2429	Tạp chí	Trường Đại học Văn Lang	0 – 0,25 từ 2019 0 – 0,5 từ 2022 0 – 0,75 từ 2024
22.	Khoa học Chính trị	1859-0187	Tạp chí	Học viện Chính trị Khu vực II, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2024 (LV Triết, C.Trị học)
23.	Khoa học Đại học Đà Lạt	0866-787X	Tạp chí	Trường Đại học Đà Lạt	0 – 0,25 từ 2019 0 – 0,75 từ 2023

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

24.	Khoa học ĐH Huế: Khoa học xã hội và nhân văn	2588-1213 e-2615-9724	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2023
25.	Khoa học Giáo dục Việt Nam (<i>Tên cũ</i> : Khoa học Giáo dục)	2615-8957-V 2615-8965-E (0868-3662)	Tạp chí	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2023 0 – 0,75 (XH.học); 0 – 0,5 (Triết học, C.Tri học) từ 2025
26.	Khoa học Học viện Phụ nữ Việt Nam	2615-9007	Tạp chí	Học viện Phụ nữ Việt Nam	0 – 0,25 từ 2020 0 – 0,5 từ 2022 0 – 0,75 từ 2024
27.	Khoa học Nội vụ (Nhập với Tổ chức Quản lý nhà nước)	2354-1113	Tạp chí	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	0 – 0,5 từ 2017 Tính đến số xuất bản cuối cùng
28.	Khoa học Quốc tế AGU (bao gồm cả Khoa học)	0866-8086	Tạp chí	Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2017 0 – 0,5 từ 2023
29.	Khoa học và Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,25 0 – 0,50 từ 2017 0 – 0,75 từ 2023
30.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam-Bản B	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2017 0 – 0,5 từ 2019 0 – 0,75 từ 2023
31.	Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (bản in)	1859-0136	Tạp chí	Viện KHXH vùng Nam Bộ, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2020
	Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (bản điện tử)	e-3030-4067			0 – 0,5 từ 2025
32.	Khoa học Xã hội miền Trung	1859-2635	Tạp chí	Viện KHXH vùng Trung Bộ, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2020 0 – 0,5 từ 2022 Tính đến số xuất bản cuối cùng
33.	Khoa học Xã hội Tây Nguyên	1859-4042	Tạp chí	Viện KHXH vùng Tây Nguyên, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2020 Tính đến số xuất bản cuối cùng
34.	Khoa học Xã hội và Nhân văn	2354-1172 3093-317X 3093-3889 3093-3900	Tạp chí	Trường ĐH KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,75 từ 2017 0 – 1,0 từ 2024
35.	Khoa học Xã hội Việt Nam, Vietnam Social Sciences (tiếng Việt và tiếng Anh)	1605-2811-V 1013-4328-E	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2019 Tính đến tháng 12/2024
36.	Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục	1859-4603	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng	0 – 0,25 từ 2021 Tính đến tháng 12/2024

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

37.	Khoa học: Khoa học Xã hội	2354-1067 (0868-3719)	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	0 – 0,25
38.	Khoa học: Khoa học Xã hội và Nhân văn	1859-3100	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,25 Tính đến tháng 12/2024
39.	Lao động và Công đoàn	0866-7578	Tạp chí	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	0 – 0,25
40.	Lịch sử Đảng	p-2815-6382 e-2815-6013 2815-6390-E (3936-8477)	Tạp chí	Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,50 Từ 2024: 0 – 0,75 (Triết, C.Trị học); 0-0,5 (Xhội học); 0-0,5 (Bản TA)
41.	Lịch sử quân sự	2588-1310 (0868-7683)	Tạp chí	- Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bộ Quốc phòng (trước 3/2022) - Viện Lịch sử Quân sự, Bộ Quốc phòng (3/2022 – 3/2023) Viện Lịch sử quân sự, Bộ Tổng tham mưu QĐNDVN (từ 4/2023)	0 – 0,25
42.	Lý luận chính trị (kể cả Nghiên cứu lý luận)	p-2525-2585 e-2525-2607 2525-2593-E (0868-2771)	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 1,0
43.	Lý luận chính trị Công an nhân dân	2354-1393	Tạp chí	Học viện Chính trị Công an nhân dân	0 – 0,25 từ 2020
44.	Lý luận chính trị và truyền thông (tính cả Báo chí và Tuyên truyền)	1859-1485	Tạp chí	Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2020 (Bản in T.Việt) 0 – 0,5 từ 2024 (Bản in T.Anh, bản điện tử T.Việt, T.Anh) 0 – 0,75 từ 2025 (bản in T.Việt, T.Anh; bản điện tử T.Việt, T.Anh)
45.	Nghiên cứu Địa lý nhân văn	2354-0648	Tạp chí	Viện Địa lý nhân văn, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2021
46.	Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á (Cũ: Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á)	0886-7314	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2017 Tính đến số xuất bản cuối cùng
47.	Nghiên cứu Châu Âu	0868-3581	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Âu, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,75 Tính đến số xuất bản cuối cùng

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

48.	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông	1859-0519	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2019 Tính đến số xuất bản cuối cùng
49.	Nghiên cứu Con người	0328-1557	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Con người, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,75 0 – 1,0 (Triết học, XH.học); 0 – 0,75 (C.Trị học) từ 2025
50.	Nghiên cứu dân tộc	0886-773X	Tạp chí	Học viện Dân tộc	0 – 0,25 từ 2017 0 – 0,5 từ 2020 0 – 0,75 từ 2024 0 từ 6/2025
51.	Nghiên cứu Đông Bắc Á (tính cả Nghiên cứu Nhật Bản)	2354-077X (0868-3646)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5 Tính đến số xuất bản cuối cùng
52.	Nghiên cứu Đông Nam Á	0868-2739	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,75 Tính đến số xuất bản cuối cùng
53.	Nghiên cứu Gia đình và Giới (tiếng Việt và tiếng Anh)	1859-1361-V 1859-1329-E	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2019 0 – 0,5 từ 2021 0 – 0,75 từ 2022
54.	Nghiên cứu Hồ Chí Minh	2525-2550	Tạp chí	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2019 0 – 0,5 từ 2022 0 – 0,75 từ 2023
55.	Nghiên cứu Lịch sử	0866-7497	Tạp chí	Viện Sử học, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
56.	Nghiên cứu Quốc tế (tiếng Việt và tiếng Anh)	1859-0608	Tạp chí	Học viện Ngoại giao	0 – 0,75 Tính đến tháng 12/2024
57.	Nghiên cứu Tôn giáo	1859-0403	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,75 Tính đến tháng 6/2025
58.	Nghiên cứu Trung Quốc	0868-3670	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2021
59.	Nghiên cứu văn hóa Việt Nam (Cũ: Văn hoá dân gian)	3030-4121 (0866-7284)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25
60.	Nhà nước và Pháp luật	1021-0547 (0866-7446)	Tạp chí	Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5 Tính đến tháng 12/2024
61.	Nhân lực khoa học xã hội	0866-756X	Tạp chí	Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2017 0 – 0,75 từ 2020

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

62.	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới	0868-2984	Tạp chí	Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2021 0 – 0,5 từ 2024 (C.Trị học, XH.học) 0 – 0,75 (C.trị học); 0 – 0,5 (Triết học, XH.học) từ 2025
63.	Nội chính	0866-7934	Tạp chí	Ban Nội chính Trung ương	0 – 0,5 từ 2017 Tính đến số xuất bản cuối cùng
64.	Phát triển bền vững vùng	2354-0729	Tạp chí	Viện Nghiên cứu phát triển bền vững vùng, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2017 0 – 0,5 từ 2019 0 – 0,75 từ 2024
65.	Phát triển Nhân lực	1859-2732	Tạp chí	Học viện Cán bộ TP HCM	0 – 0,25 từ 2021 0 – 0,5 từ 2024
66.	Quan hệ Quốc phòng	1859-3739	Tạp chí	Viện Quan hệ quốc tế về quốc phòng, Bộ Quốc phòng	0 – 0,25 từ 2019
67.	Quản lý nhà nước - State Management Review	2354-0761 e-2815-5831 2815-6021-E	Tạp chí	Học viện Hành chính Quốc gia	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2022 (Triết, Ch.trị học)
68.	Quốc phòng toàn dân	0866-7527	Tạp chí	Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam	0 – 0,50
69.	Sinh hoạt lý luận	0868-3247	Tạp chí	Học viện Chính trị Khu vực III, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2023
70.	Thông tin Khoa học Chính trị	2354-1474	Tạp chí	Học viện Chính trị Khu vực IV, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2021 0 – 0,5 từ 2023 0 – 0,75 từ 2024
71.	Thông tin Khoa học Lý luận chính trị	2354-1040	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2019 0 – 0,5 từ 2022 (Triết, Ch.trị học) 0 – 0,75 từ 2024 (Triết, Ch.trị học)
72.	Thông tin Khoa học xã hội	0866-8647	Tạp chí	Viện Thông tin KHXH, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2020
73.	Tổ chức nhà nước	2588-137X (0868-7683)	Tạp chí	Bộ Nội vụ	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2022 (Chính trị học) 0 – 0,75 từ 2024 (Tạp chí in) 0 – 0,5 từ 2024 (Tạp chí điện tử)

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

74.	Triết học (tiếng Việt và tiếng Anh)	1011-9833 (0866-7632)	Tạp chí	Viện Triết học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 1,0
75.	Tuyên giáo (Tích cả: Khoa giáo, Tư tưởng văn hóa; Công tác tư tưởng lý luận)	1859-2295	Tạp chí	Ban Tuyên giáo Trung ương	0 – 0,5 Tính đến số xuất bản cuối cùng
76.	Văn hóa nghệ thuật	0866-8655	Tạp chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 – 0,50
77.	Xã hội học Việt Nam (T. Việt; T. Anh từ 2019) (Tên cũ: Xã hội học) Vietnam Journal of Sociology (Tên cũ: Sociology)	2615-9163 (0866-7659) 2615-9171-E (0866-7659)	Tạp chí	Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 1,0 Tính đến số xuất bản cuối cùng
78.	Xây dựng Đảng	1859-0829 e-1859-1019 (0886-8442)	Tạp chí	Ban Tổ chức Trung ương	0 – 0,25 Tính đến tháng 12/2024
79.	Thanh niên	2734-9039	Tạp chí	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2021 0 – 0,5 từ 2023 0 – 0,75 (C.trị học); 0 – 0,5 (Triết học, XH.học) từ 2025
80.	Nguồn nhân lực và An sinh xã hội	2815-5610	Tạp chí	Trường Đại học Lao động Xã hội	0 – 0,25 từ 2022 0 – 0,5 từ 2024
81.	Chính trị và Phát triển	1859-2457	Tạp chí	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật	0 – 0,25 từ 2022 0 – 0,5 từ 2024 0 – 0,75 (C.trị học); 0 – 0,5 (Triết học, XH.học) từ 2025
82.	Khoa học	2354-1431	Tạp chí	Trường Đại học Tân Trào	0 – 0,25 từ 2022
83.	Khoa học và Công nghệ (Bản D) VMOST Journal of Social Sciences and Humanities	2734-9748 2815-6471	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2022 0 – 0,5 từ 2024 0 – 0,75 (C.trị học, XHH); 0 – 0,5 (Triết học) từ 2025
84.	Nghiên cứu khoa học	1859-4190	Tạp chí	Trường Đại học Sao Đỏ	0 – 0,25 từ 2022
85.	Nghiên cứu Triết học	2734-990X	Tạp chí	Hội Triết học	0 – 0,25 từ 2022 0 – 0,75 từ 2023 0 – 1,0 (Triết học); 0 – 0,75 (C.Trị học, XHH) từ 2025
86.	Can Tho University Journal of Science	e-ISSN 2815-5599 2815-5599	Tạp chí	Tạp chí Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ 0 – 0,25 từ 2023
87.	Khoa học Đại học Đồng Tháp	0866-7675	Tạp chí	Trường Đại học Đồng Tháp	0 – 0,25 từ 2023

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

		e-2815-567X			0 – 0,5 từ 2025
88.	Khoa học Đại học Thủ Dầu Một	859-4433	Tạp chí	Trường Đại học Thủ Dầu Một	0 – 0,25 từ 2023
89.	Khoa học: Khoa học Xã hội và Nhân văn	2815-5653 1859-2325	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	0 – 0,25 từ 2023
90.	Khoa học Trường Đại học Vinh	1859-2228	Tạp chí	Trường Đại học Vinh	0 – 0,25 từ 2023
91.	Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân	1959-4905	Tạp chí	Trường Đại học Duy Tân	0 – 0,25 từ 2023
92.	Tâm lý học	1859-0098	Tạp chí	Viện Tâm lý học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2023
93.	Pháp luật về Quyền con người	2615-899X 3030-458X 3030-4539 3030-4938	Tạp chí	Viện Quyền con người, Học viện Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,25 từ 2024 (Chính trị học) Từ 2025: 0 – 0,5 (bản in T.Việt, T.Anh); 0 – 0,25 (bản điện tử)
94.	Nghiên cứu Khoa học và Phát triển	2815-570X	Tạp chí	Trường Đại học Thành Đô	0 – 0,25 từ 2024
95.	Truyền thống và Phát triển	1859-4913	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Truyền thống và Phát triển, Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam	0 – 0,25 từ 2024
96.	Giáo chức Việt Nam (Bản in)	1859-2902	Tạp chí	Hội Cựu Giáo chức Việt Nam	0 – 0,25 từ 2025
97.	Khoa học	2354-1512	Tạp chí	Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội	0 – 0,25 từ 2025 (Xã hội học)
98.	Khoa học và Công nghệ	2354-0850	Tạp chí	Trường Đại học Khoa học-Đại học Huế	0 – 0,25 từ 2025
99.	Khoa học- Đại học Đồng Nai	2354-1482	Tạp chí	Trường Đại học Đồng Nai	0 – 0,25 từ 2025
100.	Khoa học Hạ Long	1815-5521	Tạp chí	Trường Đại học Hạ Long	0 – 0,25 từ 2025
101.	Lãnh đạo và Chính sách	2815-6498	Tạp chí	Viện Lãnh đạo học và Hành chính công – Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,5 từ 2025
102.	Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển	1815-5963	Tạp chí	Viện Văn hóa và Phát triển- Học viện Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,5 từ 2025 (Chính trị học)
103.	Nhân quyền Việt Nam	1859-4743	Tạp chí	Cục Đối ngoại-Bộ Công an	0 – 0,25 từ 2025 (Chính trị học)
104.	Phát triển khoa học và Công nghệ	2588-1043	Tạp chí	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2025 (CTH, XHH)
105.	Triết học và Đời sống	2734-9470	Tạp chí	Viện Triết học-Học viện Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,5 từ 2025

Nhà xuất bản uy tín: Hội đồng sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể.

Tác giả chính: 1. Tác giả thứ nhất; 2. Tác giả liên hệ duy nhất.